

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ - ST

Ngày 01/11/2019

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Duy Quyết** và ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Lan** - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1986;

Bị đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1989;

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N; (Anh H, chị P đều có mặt).

Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962; địa chỉ thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19 tháng 02 năm 2019, và các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bày: Giữa anh Lê Văn H và bị đơn là chị Trần Thị P, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V. Sau khi kết hôn hai người chung sống

cùng nhau tại nhà mẹ đẻ anh H ở thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N. Anh H chị P chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 05 năm 2015 thì anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản, trong thời gian này giữa chị P và mẹ anh là bà Nguyễn Thị T đã xảy ra mâu thuẫn, nên chị P có đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ chị P sinh sống và anh H nghi ngờ chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Đến năm 2017 anh H về nước thì chị P xin lỗi gia đình và vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng do những mâu thuẫn cũ và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho tới nay. Anh H thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị P.

Về con chung anh Lê Văn H trình bày: Vợ chồng anh có hai con chung cháu lớn là Lê Trần Thái P, sinh ngày 19/7/2011; cháu nhỏ là Lê Trần Gia B, sinh ngày 11/11/2013. Từ khi ly thân chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh không yêu cầu chị Trần Thị P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Trần Thị P trình bày: Chị thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như anh H đã trình bày, về tình trạng hôn nhân chị P xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, cho đến khi anh H đi xuất khẩu lao động ở Nhật bản thì giữa chị với mẹ đẻ anh H đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa chị và mẹ chồng không cùng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Vì mâu thuẫn nên chị đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ để ở. Năm 2017 anh H về nước thì chị P xin lỗi gia đình và vợ chồng quay về đoàn tụ. Đến nay, anh H làm đơn xin ly hôn với chị. Chị nhận thấy vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến phải ly hôn, tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn giữa chị Phượng với mẹ đẻ anh H có thể khắc phục được nên chị không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để vợ chồng chị quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Chị Trần Thị P thừa nhận về số con chung như anh H đã trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị P đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Lê Văn H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh H cũng có lời khai xác định việc kết hôn của anh Hùng và chị P đúng như hai người đã trình bày nêu trên. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị P phát sinh từ mâu thuẫn giữa bà và chị P. Đến nay anh H làm đơn xin ly hôn chị P bà không có quan điểm gì.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Bác đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn H đối với chị Trần Thị Phụng.

Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị P; chị Trần Thị P có địa chỉ thường trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn H và chị Trần Thị P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V vào ngày 28 tháng 10 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị P như trình bày của anh H và chị P, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa đã thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H và chị P sống cùng với mẹ đẻ anh H tại thôn Trung Đồng, xã G, huyện V, tỉnh N. Anh Hùng cho rằng tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi anh Hùng đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị Phụng với mẹ chồng (mẹ

đẻ anh H), và anh H nghi ngờ chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, đó là những thông tin thất thiệt, gây dư luận xấu không những nó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, mà còn gây hoài nghi ảnh hưởng tới trật tự, đạo đức lối sống, thuần phong mỹ tục văn hóa tại khu vực cần phê phán. Điều này phù hợp với bản tự khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh H); đơn xác nhận ngày 13/5/2019 và đơn xin xác nhận ngày 12/5/2019 do anh H và chị P giao nộp cho Tòa án có xác nhận của UBND xã G. Như vậy, có thể khẳng định giữa anh H và chị P có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là tạm thời chưa đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh H chị P có khả năng sửa chữa những mâu thuẫn đó. Hơn nữa, chị P vẫn còn yêu thương anh H, bỏ qua mọi việc để con có bố mẹ. Mâu thuẫn chính dẫn tới việc anh H xin ly hôn xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị P với mẹ chồng. Đây cũng là mâu thuẫn trong gia đình nhưng không phải là yếu tố chính dẫn tới đổ vỡ trong hôn nhân giữa anh H và chị P. Không thể xem lý do mà anh H nêu trên để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, điều đó trái với đạo lý, lương tâm trách nhiệm. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn H chưa thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn H để vợ chồng trở lại chung sống đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

[3]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Lê Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Bác đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn H đối với chị Trần Thị Phụng.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ anh H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0001188, ngày 14/03/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thiện Thành